



SUTTANTAPIṬAKE
MAJJHIMANIKĀYO
TATIYO BHĀGO
UPARIPAṆṆĀSAKO
&
TẠNG KINH
TRUNG BỘ
TẬP BA
NĂM MƯỜI KINH CUỐI

3. 1. 6. ĀNEÑJASAPPĀYA SUTTAM

Evam me sutam: Ekaṃ samayaṃ bhagavā kurūsu viharati kammāsadammaṃ nāma kurūnaṃ nigamo. Tatra kho bhagavā bhikkhū āmantesi: “Bhikkhavo”ti. “Bhadante”ti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca:

Aniccā bhikkhave, kāmā tucchā mosadhammā.¹ Māyākatametaṃ bhikkhave, bālalāpanaṃ. Ye ca diṭṭhadhammikā kāmā, ye ca samparāyikā kāmā, yā ca diṭṭhadhammikā kāmasaññā, yā ca samparāyikā kāmasaññā, ubhayametaṃ mārādheyyaṃ, mārassesavisayo, mārassesanivāpo, mārassesagocaro. Etthete pāpakā akusalā mānasā abhijjhāpi byāpādāpi sārambahāpi saṃvattanti. Teva ariyasāvakassa idhamanusikkhato antarāyāya sambhavanti.

Tatra bhikkhave ariyasāvako iti paṭisañcikkhati: ye ca diṭṭhadhammikā kāmā ye ca samparāyikā kāmā, yā ca diṭṭhadhammikā kāmasaññā yā ca samparāyikā kāmasaññā, ubhayametaṃ mārādheyyaṃ, mārassesavisayo, mārassesanivāpo, mārassesagocaro. Etthete pāpakā akusalā mānasā abhijjhāpi byāpādāpi sārambahāpi saṃvattanti. Teva ariyasāvakassa idhamanusikkhato antarāyāya sambhavanti. Yannūnāhaṃ vipulena mahaggatena cetasā vihareyyaṃ abhibhuyya lokaṃ adhiṭṭhāya manasā. Vipulena hi me mahaggatena cetasā viharato abhibhuyya lokaṃ adhiṭṭhāya manasā, ye pāpakā akusalā mānasā abhijjhāpi byāpādāpi sārambahāpi, te na bhavissanti. Tesaṃ pahānā aparittañca me cittaṃ bhavissati, appamāṇaṃ subhāvitānaṃ ti. Tassa evaṃ paṭipannassa tabbahulavihārino āyatane cittaṃ pasīdati. Sampasāde sati etarahi vā āneñjaṃ² samāpajjati, paññāya vā adhimuccati. Kāyassa bhedaṃ parammaraṇā ṭhānametaṃ vijjati: yaṃ taṃ saṃvattanikaṃ viññāṇaṃ assa āneñjūpagaṃ. Ayaṃ bhikkhave, paṭhamā āneñjasappāyā paṭipadā akkhāyati.

¹ tucchā musā mosadhammā - Ma; tucchā musā moghadhammā - PTS.

² āneñjaṃ - Sīmu.

3. 1. 6. KINH GIẢNG VỀ SỰ THUẬN LỢI CHO BẤT ĐỘNG

Tôi đã được nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại xứ Kuru. Thị trấn của những người Kuru tên là Kammāsadamma. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã gọi các tỳ khưu rằng: “Này các tỳ khưu.” “Bạch ngài,” các vị tỳ khưu đã đáp lại đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các tỳ khưu, các dục là vô thường, rỗng không, là các pháp giả dối. Này các tỳ khưu, điều này được tạo ra bằng sự giả dối, là lời nói nhảm của những kẻ ngu. Các dục hiện tại và các dục tương lai, các dục tương hiện tại và các dục tương tương lai, cả hai điều này đều là lãnh vực của ma vương, là cảnh giới của ma vương, là môi nhử của ma vương, là hành xứ của ma vương. Các trạng thái tâm xấu xa bất thiện—là tham lam, sân hận, nóng nảy—hoạt động ở các dục này. [?] Chính chúng tạo thành chướng ngại cho vị đệ tử bậc Thánh đang học tập trong giáo pháp này.

Này các tỳ khưu, trong trường hợp ấy vị đệ tử bậc Thánh suy xét như vậy: ‘Các dục hiện tại và các dục tương lai, các dục tương hiện tại và các dục tương tương lai, cả hai điều này đều là lãnh vực của ma vương, là cảnh giới của ma vương, là môi nhử của ma vương, là hành xứ của ma vương. Các trạng thái tâm xấu xa bất thiện—là tham lam, sân hận, nóng nảy—hoạt động ở các dục này. [?] Chính chúng tạo thành chướng ngại cho vị đệ tử bậc Thánh đang học tập trong giáo pháp này. Hay là ta nên an trú với tâm rộng lớn vĩ đại sau khi đã chế ngự thế giới (dục vọng), sau khi đã quyết định bằng ý? Bởi vì trong khi ta an trú với tâm rộng lớn vĩ đại sau khi đã chế ngự thế giới (dục vọng), sau khi đã quyết định bằng ý, các trạng thái tâm xấu xa bất thiện—là tham lam, sân hận, nóng nảy—sẽ không hiện hữu. Do sự dứt bỏ chúng, tâm của ta sẽ trở nên không hạn hẹp, vô lượng, khéo được phát triển.’ Khi vị ấy đã thực hành như thế và có sự an trú nhiều vào điều ấy, tâm vị ấy đặt niềm tin vào lãnh vực (ấy). Nếu có niềm tin trọn vẹn thì đạt đến bất động trong hiện tại hoặc thiên hần về tuệ. Vào lúc tan rã thân xác chết đi, sự kiện này được biết đến là thức dẫn dắt (đi tái sanh) của vị ấy có thể tiến đến bất động. Này các tỳ khưu, điều này được gọi là sự thực hành thứ nhất thuận lợi cho bất động.

Puna ca paraṃ bhikkhave, ariyasāvako iti paṭisañcikkhati: ye ca diṭṭhadhammikā kāmā ye ca samparāyikā kāmā, yā ca diṭṭhadhammikā kāmasaññā yā ca samparāyikā kāmasaññā, yaṃ kiñci rūpaṃ¹ cattāri ca mahābhūtāni catunnañca mahābhūtānaṃ rūpan 'ti. Tassa evaṃ paṭipannassa tabbahulavihārino āyatane cittaṃ pasīdati. Sampasāde sati etarahi vā āneñjaṃ samāpajjati, paññāya vā adhimuccati. Kāyassa bhedaṃ parammaraṇā ṭhānametaṃ vijjati: yaṃ taṃ saṃvattanikaṃ viññāṇaṃ assa āneñjūpagaṃ. Ayaṃ bhikkhave, dutiyā āneñjasappāyā paṭipadā akkhāyati.

Puna ca paraṃ bhikkhave, ariyasāvako iti paṭisañcikkhati: ye ca diṭṭhadhammikā kāmā, ye ca samparāyikā kāmā, yā ca diṭṭhadhammikā kāmasaññā yā ca samparāyikā kāmasaññā, ye ca diṭṭhadhammikā rūpā, ye ca samparāyikā rūpā, yā ca diṭṭhadhammikā rūpasaññā yā ca samparāyikā rūpasaññā ubhayametaṃ aniccaṃ yadaniccaṃ taṃ nālaṃ abhinanditūṃ, nālaṃ abhivaditūṃ, nālaṃ ajjhositūṃ 'ti. Tassa evaṃ paṭipannassa tabbahulavihārino āyatane cittaṃ pasīdati. Sampasāde sati etarahi vā āneñjaṃ samāpajjati, paññāya vā adhimuccati. Kāyassa bhedaṃ parammaraṇā ṭhānametaṃ vijjati: yaṃ taṃ saṃvattanikaṃ viññāṇaṃ assa āneñjūpagaṃ. Ayaṃ bhikkhave, tatiyā āneñjasappāyā paṭipadā akkhāyati.

Puna ca paraṃ bhikkhave, ariyasāvako iti paṭisañcikkhati: ye ca diṭṭhadhammikā kāmā ye ca samparāyikā kāmā, yā ca diṭṭhadhammikā kāmasaññā yā ca samparāyikā kāmasaññā, ye ca diṭṭhadhammikā rūpā ye ca samparāyikā rūpā, yā ca diṭṭhadhammikā rūpasaññā yā ca samparāyikā rūpasaññā yā ca āneñjasaññā, sabbā saññā yatthetā aparisesā nirujjhanti. Etaṃ santaṃ etaṃ paṇītaṃ yadidaṃ ākiñcaññāyatanaṃ 'ti. Tassa evaṃ paṭipannassa tabbahulavihārino āyatane cittaṃ pasīdati. Sampasāde sati etarahi vā ākiñcaññāyatanaṃ samāpajjati, paññāya vā adhimuccati. Kāyassa bhedaṃ parammaraṇā ṭhānametaṃ vijjati: yaṃ taṃ saṃvattanikaṃ viññāṇaṃ assa ākiñcaññāyatanūpagaṃ. Ayaṃ bhikkhave, paṭhamā ākiñcaññāyatanasappāyā paṭipadā akkhāyati.

Puna ca paraṃ bhikkhave, ariyasāvako araññagato vā rukkhamaṃlagato vā suññāgāragato vā² iti paṭisañcikkhati: suññamidaṃ attena vā attaniyena vā 'ti. Tassa evaṃ paṭipannassa tabbahulavihārino āyatane cittaṃ pasīdati. Sampasāde sati etarahi vā ākiñcaññāyatanaṃ samāpajjati, paññāya vā adhimuccati. Kāyassa bhedaṃ parammaraṇā ṭhānametaṃ vijjati: yaṃ taṃ saṃvattanikaṃ viññāṇaṃ assa ākiñcaññāyatanūpagaṃ. Ayaṃ bhikkhave, dutiyā ākiñcaññāyatanasappāyā paṭipadā akkhāyati.

¹ yaṃ kiñci rūpaṃ sabbam rūpaṃ - Ma, Syā.

² suññāgāragato vā - itipāṭho PTS. potthake na dissate.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, vị đệ tử bậc Thánh suy xét như vậy: ‘Các dục hiện tại và các dục tương lai, các dục tương hiện tại và các dục tương tương lai, bất cứ sắc nào đó đều là tứ đại và là sắc của tứ đại.’ Khi vị ấy đã thực hành như thế và có sự an trú nhiều vào điều ấy, tâm vị ấy đặt niềm tin vào lãnh vực (ấy). Nếu có niềm tin trọn vẹn thì đạt đến bất động trong hiện tại hoặc thiên hẳn về tuệ. Vào lúc tan rã thân xác chết đi, sự kiện này được biết đến là thức dẫn dắt (đi tái sanh) của vị ấy có thể tiến đến bất động. Này các tỳ khưu, điều này được gọi là sự thực hành thứ nhì thuận lợi cho bất động.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, vị đệ tử bậc Thánh suy xét như vậy: ‘Các dục hiện tại và các dục tương lai, các dục tương hiện tại và các dục tương tương lai, các sắc hiện tại và các sắc tương lai, các sắc tương hiện tại và các sắc tương tương lai, cả hai điều này là vô thường. Cái nào là vô thường, cái ấy không đáng để thích thú, không đáng để ca ngợi, không đáng để ràng buộc.’ Khi vị ấy đã thực hành như thế và có sự an trú nhiều vào điều ấy, tâm vị ấy đặt niềm tin vào lãnh vực (ấy). Nếu có niềm tin trọn vẹn thì đạt đến bất động trong hiện tại hoặc thiên hẳn về tuệ. Vào lúc tan rã thân xác chết đi, sự kiện này được biết đến là thức dẫn dắt (đi tái sanh) của vị ấy có thể tiến đến bất động. Này các tỳ khưu, điều này được gọi là sự thực hành thứ ba thuận lợi cho bất động.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, vị đệ tử bậc Thánh suy xét như vậy: ‘Các dục hiện tại và các dục tương lai, các dục tương hiện tại và các dục tương tương lai, các sắc hiện tại và các sắc tương lai, các sắc tương hiện tại và các sắc tương tương lai, và các tướng về bất động; tất cả các tướng này diệt tận không còn dư sót ở nơi nào, điều ấy là an tịnh, điều ấy là quý hóa, tức là Vô Sở Hữu xứ.’ Khi vị ấy đã thực hành như thế và có sự an trú nhiều vào điều ấy, tâm vị ấy đặt niềm tin vào lãnh vực (ấy). Nếu có niềm tin trọn vẹn thì đạt đến Vô Sở Hữu xứ trong hiện tại hoặc thiên hẳn về tuệ. Vào lúc tan rã thân xác chết đi, sự kiện này được biết đến là thức dẫn dắt (đi tái sanh) của vị ấy có thể đi đến Vô Sở Hữu xứ. Này các tỳ khưu, điều này được gọi là sự thực hành thứ nhất thuận lợi cho Vô Sở Hữu xứ.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, vị đệ tử bậc Thánh đi đến khu rừng, hoặc đi đến gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng rồi suy xét như vậy: ‘Cái này là không, so sánh với với bản ngã hoặc sở hữu của bản ngã.’ [?] Khi vị ấy đã thực hành như thế và có sự an trú nhiều vào điều ấy, tâm vị ấy đặt niềm tin vào lãnh vực (ấy). Nếu có niềm tin trọn vẹn thì đạt đến Vô Sở Hữu xứ trong hiện tại hoặc thiên hẳn về tuệ. Vào lúc tan rã thân xác chết đi, sự kiện này được biết đến là thức dẫn dắt (đi tái sanh) của vị ấy có thể đi đến Vô Sở Hữu xứ. Này các tỳ khưu, điều này được gọi là sự thực hành thứ nhì thuận lợi cho Vô Sở Hữu xứ.

Puna ca paraṃ bhikkhave, ariyasāvako iti paṭisañcikkhati: nāhaṃ kvacani kassaci kiñcanattasmiṃ, na ca mama kvacani kismici kiñcananatthi 'ti.¹ Tassa evaṃ paṭipannassa tabbahulavihārino āyatane cittaṃ pasīdati. Sampasāde sati etarahi vā ākiñcaññāyatanam samāpajjati, paññāya vā adhimuccati. Kāyassa bheda parammaraṇā ṭhānametaṃ vijjati: yaṃ taṃ saṃvattanikaṃ viññāṇaṃ assa ākiñcaññāyatanūpagaṃ. Ayaṃ bhikkhave, tatiyā ākiñcaññāyatanasappāyā paṭipadā akkhāyati.

Puna ca paraṃ bhikkhave, ariyasāvako iti paṭisañcikkhati: ye ca diṭṭhadhammikā kāmā ye ca samparāyikā kāmā, yā ca diṭṭhadhammikā kāmasaññā yā ca samparāyikā kāmasaññā, ye ca diṭṭhadhammikā rūpā ye ca samparāyikā rūpā, yā ca diṭṭhadhammikā rūpasaññā yā ca samparāyikā rūpasaññā, yā ca āneñjasaññā, yā ca ākiñcaññāyatanasaññā, sabbā saññā yatthetā aparisesā nirujjhanti. Etaṃ santaṃ etaṃ paṇitaṃ yadidaṃ nevasaññānāsaññāyatanan 'ti. Tassa evaṃ paṭipannassa tabbahulavihārino āyatane cittaṃ pasīdati. Sampasāde sati etarahi vā nevasaññānāsaññāyatanam samāpajjati, paññāya vā adhimuccati. Kāyassa bheda parammaraṇā ṭhānametaṃ vijjati: yaṃ taṃ saṃvattanikaṃ viññāṇaṃ assa nevasaññānāsaññāyatanūpagaṃ. Ayaṃ bhikkhave, nevasaññānāsaññāyatanasappāyā paṭipadā akkhāyati "ti.

Evaṃ vutte āyasmā ānando bhagavantaṃ etadavoca: "Idha bhante, bhikkhu evaṃ paṭipanno hoti, no cassa, no ca me siyā, na bhavissati, na me bhavissati. Yadatthi yaṃ bhūtaṃ taṃ pajahāmī 'ti evaṃ upekkhaṃ paṭilabhati. Parinibbāyeyya nu kho so bhante, bhikkhu na vā parinibbāyeyyā "ti.

Apetthekacco ānanda, bhikkhu parinibbāyeyya, apetthekacco bhikkhu na parinibbāyeyyā "ti.

Ko nu kho bhante hetu, ko paccayo, yenapetthekacco bhikkhu parinibbāyeyya, apetthekacco bhikkhu na parinibbāyeyyā "ti.

Idhānanda bhikkhu evaṃ paṭipanno hoti: 'No cassa, no ca me siyā, na bhavissati, na me bhavissati. Yadatthi yaṃ bhūtaṃ taṃ pajahāmī 'ti evaṃ upekkhaṃ paṭilabhati. So taṃ upekkhaṃ abhinandati, abhivadati, ajjhosāya tiṭṭhati. Tassa taṃ upekkhaṃ abhinandato abhivadato ajjhosāya tiṭṭhato taṃ nissitaṃ hoti viññāṇaṃ, tadupādānaṃ saupādāno ānanda, bhikkhu na parinibbāyatī "ti.

¹ kiñcanaṃ natthī ti - Ma, PTS, Sīmu.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, vị đệ tử bậc Thánh suy xét như vậy: ‘Ta không là cái gì, ở đâu, thuộc về ai, và không có cái gì, ở đâu, bất cứ ai là thuộc về ta.’ [?] Khi vị ấy đã thực hành như thế và có sự an trú nhiều vào điều ấy, tâm vị ấy đặt niềm tin vào lãnh vực (ấy). Nếu có niềm tin trọn vẹn thì đạt đến Vô Sở Hữu xứ trong hiện tại hoặc thiên hản về tuệ. Vào lúc tan rã thân xác chết đi, sự kiện này được biết đến là thức dẫn dắt (đi tái sanh) của vị ấy có thể đi đến Vô Sở Hữu xứ. Này các tỳ khưu, điều này được gọi là sự thực hành thứ ba thuận lợi cho Vô Sở Hữu xứ.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, vị đệ tử bậc Thánh suy xét như vậy: ‘Các dục hiện tại và các dục tương lai, các dục tướng hiện tại và các dục tướng tương lai, các sắc hiện tại và các sắc tương lai, các sắc tướng hiện tại và các sắc tướng tương lai, các tướng về bất động, và các tướng về Vô Sở Hữu xứ; tất cả các tướng này diệt tận không còn dư sót ở nơi nào, điều ấy là an tịnh, điều ấy là quý hóa, tức là Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ.’ Khi vị ấy đã thực hành như thế và có sự an trú nhiều vào điều ấy, tâm vị ấy đặt niềm tin vào lãnh vực (ấy). Nếu có niềm tin trọn vẹn thì đạt đến Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ trong hiện tại hoặc thiên hản về tuệ. Vào lúc tan rã thân xác chết đi, sự kiện này được biết đến là thức dẫn dắt (đi tái sanh) của vị ấy có thể đi đến Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ. Này các tỳ khưu, điều này được gọi là sự thực hành thứ nhất thuận lợi cho Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ.”

Khi được nói như vậy, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch ngài, ở đây vị tỳ khưu thực hành như vậy: ‘Cái không có thì không thể thuộc về ta, cái sẽ không có thì sẽ không thể nào thuộc về ta. Vậy cái gì có, cái gì hiện hữu, thì ta dứt bỏ cái ấy;’ [?] như vậy (vị ấy) đạt được trạng thái xả. Bạch ngài, vị tỳ khưu ấy có thể chứng Niết Bàn, hay không thể chứng Niết Bàn?”

“Này Ānanda, ở đây có vị tỳ khưu có thể chứng Niết Bàn, ở đây cũng có vị tỳ khưu không thể chứng Niết Bàn.”

“Bạch ngài, vậy thì nhân gì, duyên gì khiến ở đây có vị tỳ khưu có thể chứng Niết Bàn, ở đây cũng có vị tỳ khưu không thể chứng Niết Bàn?”

“Này Ānanda, ở đây vị tỳ khưu thực hành như vậy: ‘Cái không có thì không thể thuộc về ta, cái sẽ không có thì sẽ không thể nào thuộc về ta. Vậy cái gì có, cái gì hiện hữu, thì ta dứt bỏ cái ấy;’ như vậy (vị ấy) đạt được trạng thái xả. Vị ấy thích thú, ca ngợi, duy trì sự ràng buộc vào trạng thái xả ấy. Đối với vị thích thú, ca ngợi, duy trì sự ràng buộc vào trạng thái xả ấy, thì thức nương vào điều ấy, có sự chấp thủ vào điều ấy. Này Ānanda, vị tỳ khưu có sự chấp thủ không chứng Niết Bàn.”

“Kahampana so bhante, bhikkhu upādiyamāno upādiyatī ”ti.

“Nevasaññānāsaññāyatanam ānandā ”ti.

Upādānasetṭham kira so bhante, bhikkhu upādiyamāno upādiyatī ”ti.

Upādānasetṭham hi so ānanda, bhikkhu upādiyamāno upādiyatī.
Upādānasetṭham hetam ānanda, yadidaṃ nevasaññānāsaññāyatanam.

Idhānanda bhikkhu evaṃ paṭipanno hoti: no cassa, no ca me siyā, na bhavissati, na me bhavissati. Yadatthi yaṃ bhūtam taṃ pajahāmi ’ti. Evaṃ upekkham paṭilabhati. So taṃ upekkham nābhinandati, nābhivadati, nājjhosāya tiṭṭhati. Tassa taṃ upekkham anabhinandato anabhivadato anajjhosāya tiṭṭhato na taṃ nissitam hoti viññānam, na tadupādānam anupādāno ānanda, bhikkhu parinibbāyatī ”ti.

Acchariyam bhante! Abbhutam bhante! Nissāya nissāya kira no bhante, bhagavatā oghassa nittharaṇā akkhātā. Katamo pana bhante, ariyo vimokkho ”ti.

Idhānanda, ariyasāvako bhikkhu iti paṭisañcikkhati: ye ca diṭṭhadhammikā kāmā, ye ca samparāyikā kāmā, yā ca diṭṭhadhammikā kāmasaññā, yā ca samparāyikā kāmasaññā, ye ca diṭṭhadhammikā rūpā, ye ca samparāyikā rūpā yā ca diṭṭhadhammikā rūpasaññā, yā ca samparāyikā rūpasaññā, yā ca āneñjasaññā, yā ca ākiñcaññāyatanasaññā, yā ca nevasaññānāsaññāyatanasaññā, esa sakkāyo, yāvatā sakkāyo, etaṃ amataṃ yadidaṃ anupādā cittassa vimokkho.

Iti kho ānanda, desitā mayā āneñjasappāyā paṭipadā, desitā ākiñcaññāyatanasappāyā paṭipadā, desitā nevasaññānāsaññāyatanasappāyā paṭipadā, desitā nissāya nissāya oghassa nittharaṇā, desito ariyo vimokkho. Yaṃ kho ānanda, satthārā karaṇiyam sāvakanam hitesinā anukampakena anukampaṃ upādāya, kataṃ vo taṃ mayā. Etāni ānanda, rukkhāmūlāni, etāni suññāgārāni, jhāyatha ānanda, mā pamādattha, mā pacchā vippaṭisārino ahuvattha. Ayaṃ vo amhākaṃ anusāsani ”ti.

Idamavoca bhagavā. Attamano āyasmā ānando bhagavato bhāsitaṃ abhinandī ”ti.

Āneñjasappāya suttaṃ chaṭṭham.

--ooOoo--

“Bạch ngài, vậy thì trong khi chấp thủ, vị tỳ khuu ấy chấp thủ vào đâu?”

“Này Ananda, vào Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ.”

“Bạch ngài, nghe nói vị tỳ khuu ấy, trong khi chấp thủ, chấp thủ vào sự chấp thủ cao cả nhất.”

“Này Ananda, vị tỳ khuu ấy, trong khi chấp thủ, chấp thủ vào sự chấp thủ cao cả nhất. Này Ananda, bởi vì điều ấy là sự chấp thủ cao cả nhất, tức là Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ.

Này Ananda, ở đây vị tỳ khuu thực hành như vậy: ‘Cái không có thì không thể thuộc về ta, cái sẽ không có thì sẽ không thể nào thuộc về ta. Vậy cái gì có, cái gì hiện hữu, thì ta dứt bỏ cái ấy;’ như vậy (vị ấy) đạt được trạng thái xả. Vị ấy không thích thú, không ca ngợi, không duy trì sự ràng buộc vào trạng thái xả ấy. Đối với vị không thích thú, không ca ngợi, không duy trì sự ràng buộc vào trạng thái xả ấy, thì thức không nương vào điều ấy, không có sự chấp thủ vào điều ấy. Này Ananda, vị tỳ khuu không có sự chấp thủ chứng Niết Bàn.”

“Bạch ngài, thật kỳ diệu thay! Bạch ngài, thật phi thường thay! Nghe nói sự vượt qua dòng nước lũ sau khi nương vào sự chứng đạt pháp này pháp khác[?] đã được đức Thế Tôn giảng cho chúng con. Bạch ngài, vậy thì pháp nào là sự giải thoát của bậc Thánh?”

“Này Ananda, ở đây vị đệ tử bậc Thánh suy xét như vậy: ‘Các dục hiện tại và các dục tương lai, các dục tướng hiện tại và các dục tướng tương lai, các sắc hiện tại và các sắc tương lai, các sắc tướng hiện tại và các sắc tướng tương lai, các tướng về bất động, các tướng về Vô Sở Hữu xứ, và các tướng về Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ, cái ấy là tự thân theo như cái được gọi là tự thân (luân hồi trong tam giới), điều này là Bất Tử, tức là sự giải thoát của tâm do không còn chấp thủ.’

Này Ananda, ta đã thuyết giảng về sự thực hành thuận lợi cho bất động, đã thuyết giảng về sự thực hành thuận lợi cho Vô Sở Hữu xứ, đã thuyết giảng về sự thực hành thuận lợi cho Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ, [?] đã thuyết giảng về sự vượt qua dòng nước lũ sau khi nương vào sự chứng đạt pháp này pháp khác, đã thuyết giảng về sự giải thoát của bậc Thánh. Này Ananda, điều cần phải làm vì lòng thương tưởng của bậc Đạo sư có lòng thương tưởng tâm cầu sự lợi ích cho các đệ tử, điều ấy đã được ta làm đối với các người. Này Ananda, kia là những gốc cây, kia là những ngôi nhà trống, Này Ananda, các người hãy tham thiền, chớ xao lãng, chớ có hối tiếc về sau này. Đây là lời giáo huấn của chúng ta [?] dành cho các người.”

Đức Thế Tôn đã nói điều này. Được hoan hỷ, đại đức Ananda thỏa thích lời dạy của đức Thế Tôn. [?]

Kinh giảng về sự thuận lợi cho bất động là thứ sáu.

--ooOoo--